TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/06/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025, về việc "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Thanh H**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 4 khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn K**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 4 khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 04 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, bà H và ông K quen biết nhau được một thời gian thì đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 30/12/1997.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống cùng với gia đình của nhà chồng tại thị trấn D. Khoảng 05 năm trở lại đây, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân do ông K có nhiều mối quan hệ xã hội, sống không chung thủy, không quan tâm đến bà H. Ông K thường hay say xỉn và còn lớn tiếng quát nạt, xúc phạm đến bà H. Đôi khi còn xảy ra xô sát nhưng bà H không báo chính quyền địa phương. Mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai đều không nói chuyện, tâm sự với nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Hiện nay bà H xác định tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày: 28/07/2003.

+ Cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 19/02/1999.

Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 05 năm 2025, bị đơn – ông Nguyễn Tấn K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông K và bà H chung sống với nhau được 30 năm, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 1997. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc. Ông K xác định hai vợ chồng không có mâu thuẫn, còn thương vợ và đề nghị Tòa tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ về lại với nhau. Ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày: 28/07/2003.

+ Cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 19/02/1999.

Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

+ Về con chung: Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Tấn K hiện đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ 4, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Thanh H có yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Nguyễn Tấn K. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn"*.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định bà Huỳnh Thị Thanh H là nguyên đơn, ông Nguyễn Tấn K là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Nguyễn Tấn K tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 30/12/1997. Căn cứ các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân của bà H và ông K là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng bà H và ông K có xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do ông K thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với bà H.

Theo bà H trình bày những lúc say, ông K có những lời nói, hành động làm tổn thương, xúc phạm đến bà H dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai ít quan tâm, nói chuyện và hỏi thăm nhau. Cả hai đều tôn trọng cuộc sống riêng của nhau và không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng bà H nhưng ông K không hợp tác. Điều đó cho thấy ông K không có thiện chí muốn hòa giải cùng với bà H để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Bà H và ông K chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày: 28/07/2003, cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 19/02/1999. Hiện nay các con chung của bà H và ông K đều đã thành niên và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Nguyễn Tấn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 5, Điều 6, Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Thanh H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Nguyễn Tấn K được ly hôn.

2. *Về con chung*: Bà H và ông K chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày: 28/07/2003, cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 19/02/1999. Hiện nay các con chung của bà H và ông K đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008757 ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà Huỳnh Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GNCKH số 105/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh